

Số: **215** /KH-UBND

Hải Phòng, ngày **25** tháng **8** năm 2025

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước thành phố Hải Phòng 6 tháng cuối năm 2025

Thực hiện chủ trương hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng thành thành phố Hải Phòng trực thuộc Trung ương từ ngày 01/7/2025, nhằm thống nhất công tác chỉ đạo, điều hành và triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số trên toàn thành phố,

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và Chuyển đổi số (CDS) trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, áp dụng cho 6 tháng cuối năm 2025 như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.



- Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 25/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, phiên bản phủ 4.0.

- Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Văn bản số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025.

- Các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch về chuyển đổi số của Tỉnh ủy Hải Dương (cũ) và Thành ủy Hải Phòng (cũ) giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, gồm: Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/3/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hải Dương và Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng.

- Các Kế hoạch, Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chiến lược dữ liệu đã được UBND tỉnh Hải Dương (cũ) và UBND thành phố Hải Phòng (cũ) ban hành.

- Kế hoạch số 4570/KH-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Hải Dương (cũ) và Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 18/02/2025 của UBND thành phố Hải Phòng (cũ).

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và phát huy chuyển đổi số để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Tập trung nguồn lực để hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong các nghị quyết về chuyển đổi số, tạo nền tảng vững chắc để tăng tốc trong giai đoạn mới. Nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đáp ứng tốt nhất nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh của thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể đến hết năm 2025

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến toàn trình.

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng đạt: 90% ở cấp thành phố, 75% ở cấp xã (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% báo cáo định kỳ về chỉ tiêu kinh tế - xã hội được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của thành phố, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa theo quy định.

- Tỷ lệ mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 90%.

- Tối thiểu 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số.

- 100% hệ thống thông tin của thành phố từ cấp độ 3 trở lên được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hạ tầng số

- Hoàn thiện, tối ưu hóa hạ tầng Trung tâm dữ liệu (Data Center) của thành phố theo hướng hiện đại, sử dụng công nghệ điện toán đám mây, đảm bảo năng lực phục vụ Chính quyền số và các dịch vụ cho đô thị thông minh.

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ “Thuê dịch vụ hạ tầng điện toán đám mây phục vụ triển khai chính quyền số thành phố”.

- Duy trì, nâng cao năng lực Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC), Trung tâm Điều hành an ninh mạng (SOC) của thành phố, vận hành Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến thành phố.

- Phát triển mạng lưới cảm biến thu thập dữ liệu IoT phục vụ các ngành, lĩnh vực trọng điểm như cảng biển, logistics, giao thông, môi trường, nông nghiệp.

- Nâng cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng nội bộ và trang thiết bị CNTT cho các cơ quan, đơn vị các cấp, đảm bảo đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và triển khai Đề án 06/CP.

2. Phát triển Chính quyền số

Ứng dụng trong nội bộ:

- Duy trì và phát triển Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, đảm bảo trên 90% văn bản được ký số và xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản mật). Duy trì, phát triển Cổng thông tin điện tử liên thông 02 cấp của thành phố và các trang thông tin điện tử thành phần của các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã. Duy trì, vận hành hệ thống thư điện tử thành phố, triển khai chữ ký số trên nền tảng di động. Xây dựng ứng dụng thông minh trong các lĩnh vực chuyên ngành.

- Tăng cường áp dụng trợ lý ảo (AI) hỗ trợ công chức, viên chức nâng cao hiệu quả công việc và năng suất lao động; ứng dụng AI để tự động hóa việc kiểm tra, rà soát văn bản.

- Phát triển các nền tảng, ứng dụng số chuyên ngành để đưa hoạt động chỉ đạo, điều hành lên môi trường số, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- Nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố, tái cấu trúc quy trình để đơn giản hóa thủ tục, nâng cao trải nghiệm người dùng.

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tích hợp thành toán trực tuyến và số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính để hình thành Kho dữ liệu của công dân, tổ chức.

- Phát triển ứng dụng công dân số (Smart Hai Phong) với nhiều tiện ích thiết thực, đồng thời tích hợp kênh tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân.

3. Phát triển dữ liệu số

- Xây dựng và vận hành hiệu quả Kho dữ liệu dùng chung và Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu của thành phố, cho phép kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

- Từng bước mở dữ liệu của cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu chuyên ngành, hình thành các cơ sở dữ liệu cốt lõi về đất đai, dân cư, doanh nghiệp, xây dựng, nông nghiệp...

- Xây dựng chiến lược dữ liệu của thành phố Hải Phòng (sau hợp nhất).

4. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng

- Triển khai mô hình bảo đảm an toàn thông tin "4 lớp" một cách thực chất, hiệu quả; 100% hệ thống thông tin được giám sát và bảo vệ chuyên nghiệp.

- Thường xuyên tổ chức đào tạo, diễn tập thực chiến về an toàn thông tin.

- Xây dựng và triển khai phương án sao lưu dữ liệu theo nguyên tắc 3-2-1, đảm bảo có bản sao lưu ngoại tuyến (offline) để sẵn sàng phục hồi hệ thống nhanh chóng sau sự cố.

- Tổ chức đánh giá, phân loại, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin theo quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, Chỉ thị 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; triển khai các phương án bảo vệ hệ thống theo đúng cấp độ đã được phê duyệt.

5. Đào tạo, tuyên truyền và phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ chuyên trách, phụ trách công nghệ thông tin, cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị; nhằm thực hiện tốt việc vận hành, khai thác các ứng dụng, tiện ích về chuyển đổi số.

Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành, chuyên môn nghiệp vụ trong các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh truyền thông về lợi ích của chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức và thay đổi thói quen của người dân, doanh nghiệp.

IV. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

1. Giải pháp về môi trường, chính sách

- Rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thúc đẩy chuyển đổi số.

- Xây dựng và ban hành các quy chế quy định về quản lý, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, đãi ngộ và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao làm công tác CNTT và chuyển đổi số.

2. Giải pháp về tài chính

- Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số trọng điểm, mang tính nền tảng.

- Thu hút mọi nguồn lực cho ứng dụng công nghệ thông tin; kết hợp đầu tư mới với việc chuyển giao công nghệ; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các hệ thống công nghệ thông tin làm nền tảng.

- Đa dạng hóa nguồn vốn, thu hút đầu tư từ doanh nghiệp và các nguồn lực xã hội theo hình thức đối tác công - tư (PPP). Tạo cơ chế hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ để huy động nguồn lực và công nghệ. Tăng cường tranh thủ hỗ trợ của Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ và nguồn vốn khác.

3. Giải pháp về triển khai và tổ chức

- Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo của thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, coi kết quả chuyển đổi số là tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm. Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ chuyển đổi số với cải cách hành chính. Xây dựng tiêu chí thi đua về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong bộ tiêu chí bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của tập thể, cá nhân.

- Kiện toàn bộ máy chuyên trách về CNTT và CDS từ cấp thành phố đến cơ sở, đảm bảo đủ năng lực để triển khai và vận hành các hệ thống. Tăng cường biên chế, vị trí việc làm tại Sở Khoa học và Công nghệ và các xã, phường, đặc khu để đảm bảo nguồn lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; tăng cường số lượng cán bộ công nghệ thông tin cho các sở, ban, ngành, địa phương nhằm vận hành thông suốt các ứng dụng và đảm bảo an toàn thông tin; tăng cường vai trò và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ chỉ số chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, địa phương để kịp thời đôn đốc, tháo gỡ khó khăn.

4. Giải pháp về hợp tác và công nghệ

- Nâng cấp mạng nội bộ và hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin cho các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã, đảm bảo trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, thống nhất trong toàn thành phố.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới như Trí tuệ nhân tạo (AI), Dữ liệu lớn (Big Data), Chuỗi khối (Blockchain) vào giải quyết các bài toán thực tiễn trong quản lý nhà nước và phát triển kinh tế-xã hội.

- Triển khai hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên cơ sở phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử thành phố đã được phê duyệt.

- Tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm từ các tỉnh, thành phố đi đầu trong cả nước và hợp tác quốc tế để tiếp cận các giải pháp, công nghệ tiên tiến.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Ngân sách nhà nước (nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn kinh phí sự nghiệp) và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

- Các sở, ban, ngành, xã, phường, đặc khu chủ động cân đối, bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm và huy động các nguồn lực khác để triển khai các nhiệm vụ của đơn vị, địa phương mình.

- Kinh phí chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án cụ thể sẽ được xác định và phê duyệt theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách và đầu tư.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ: Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND thành phố chỉ đạo, tổ chức thực hiện Kế hoạch. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả và định kỳ báo cáo UBND thành phố.

2. Sở Tài chính: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND thành phố bố trí đủ kinh phí (Ngân sách nhà nước) để triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định.

3. Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ gắn kết việc triển khai Kế hoạch này với chương trình cải cách hành chính; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực số; đề xuất đưa kết quả CDS vào tiêu chí thi đua, khen thưởng hàng năm.

4. Đề nghị Công an thành phố: Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao. Phối hợp chặt chẽ trong việc kết nối, xác thực và bảo đảm an toàn, an ninh cho việc khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

5. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu:

- Căn cứ Kế hoạch này, xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch chi tiết tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Chủ động bố trí nguồn lực, triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao, đảm bảo đạt được các mục tiêu đã đề ra. Ngoài các nhiệm vụ được phê duyệt tại Kế hoạch này, các sở, ngành, địa phương chủ động triển khai các nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn của Trung ương và các nguồn vốn khác.

- Phát huy vai trò của các Tổ công nghệ số cộng đồng để phổ cập kỹ năng số, hỗ trợ người dân sử dụng các dịch vụ số.

- Thực hiện chế độ báo cáo chuyên đề định kỳ về kết quả thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, theo dõi.

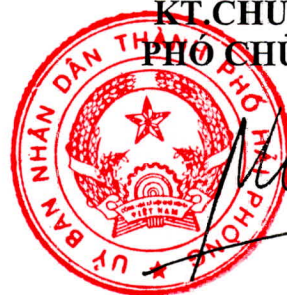
Kế hoạch này thay thế cho Kế hoạch số 4570/KH-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Hải Dương (cũ) và Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 18/02/2025 của UBND thành phố Hải Phòng (cũ).

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh bằng Văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ KHCN;
- VPCP;
- CT, PCT Hoàng Minh Cường;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND cấp xã;
- CVP, PCVP Phạm Quang Hưng;
- Phòng: VX, TC, NV&KTGS;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, N.Đ.Thắng;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Cường

Phụ lục 1
DANH MỤC NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN
*(Kèm theo Kế hoạch số **215**/KH-UBND ngày **25/8** /2025
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự toán được duyệt	Nhu cầu kinh phí năm 2025	Kinh phí năm 2025 đã phân bổ
I	Sở Khoa học và Công nghệ		107.542	39.542	21.454	11.834
1	Mua bản quyền phần mềm MS Office cho các cơ quan nhà nước thành phố	2025	6.500		6.500	
2	Ứng dụng công nghệ viễn thám, GIS và trí tuệ nhân tạo phục vụ quản lý không gian thành phố	2023-2026	29.770	29.770	9.784	9.784
3	Thuê dịch vụ hạ tầng điện toán đám mây phục vụ triển khai chính quyền số thành phố	2023-2025	9.772	9.772	4.100	2.050
4	Tổ chức Đoàn công tác của Ban chỉ đạo chuyển đổi số thành phố đi học tập kinh nghiệm tại một số đơn vị, địa phương	2025	500		500	
5	Thuê hệ thống Hội nghị truyền hình cho UBND cấp xã, phường và đặc khu (phòng hội trường)	2025-2028	61.000		570	
II	Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy		1.645	1.645	593	593
6	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin phần mềm giám sát, quản lý thông tin trên mạng Internet, mạng xã hội, báo chí trong và ngoài nước	Thuê dịch vụ 03 năm (2024-2026)	1.645	1.645	593	593
III	Sở Giáo dục và Đào tạo		28.408	28.408	8.251	6.560
7	Triển khai đề án ký số ngành giáo dục đáp ứng yêu cầu số hóa sổ điểm điện tử, học bạ điện tử của ngành.	Thuê dịch vụ 03 năm (2023-2025)	12.414	12.414	4.105	3.570
8	Triển khai CSDL tuyển sinh đầu cấp ngành Giáo dục thành phố	Thuê dịch vụ 03 năm (2024-2026)	8.080	8.080	2.294	1.548
9	Triển khai hệ thống Cổng thông tin điện tử ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố (Cổng chính và 800 cổng thành phần, bảo đảm kết nối với Cổng thành phố)	Thuê dịch vụ 05 năm (2024-2028)	7.914	7.914	1.852	1.442

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự toán được duyệt	Nhu cầu kinh phí năm 2025	Kinh phí năm 2025 đã phân bổ
IV	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố		5.696	5.696	1.901	1.901
10	Tổng đài 1022	Thuê dịch vụ 03 năm (2023-2025)	5.696	5.696	1.901	1.901
V	Sở Tài chính		2.845	2.845	893,6	843,4
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng	Thuê dịch vụ 03 năm (2023-2025)	1.622	1.622	526,2	476
12	Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu các dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng	Thuê dịch vụ 03 năm (2023-2025)	1.223	1.223	367,4	367,4
VI	Sở Y tế		406.763	8.809	155.215	1.727
13	Triển khai Hệ thống phần mềm Quản lý Y tế cơ sở	Thuê dịch vụ 05 năm (2023-2027)	8.809	8.809	1.727	1.727
14	Thuê dịch vụ triển khai hồ sơ bệnh án điện tử và Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế	Thuê dịch vụ 05 năm (2025-2029)	397.954		153.488	
VII	Văn phòng Đoàn ĐBQH&HDND thành phố		14.453	14.453	1.604	0
15	Kỳ họp số di động HDND thành phố	Thuê dịch vụ 05 năm (gói phần mềm, 2022-2026)	9.417	9.417	753	
16	Phần mềm kỳ họp số HDND các quận, huyện	Thuê dịch vụ 03 năm (2023-2026)	5.036	5.036	851	
VIII	Sở Xây dựng		118.084	118.084	16.000	13.735
17	Nâng cao năng lực trung tâm quản lý điều hành giao thông, đô thị thông minh.	Thuê dịch vụ 05 năm (2023-2029)	118.084	118.084	16.000	13.735
IX	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch		3.879	3.879	1.293	
18	Triển khai hệ thống thông tin nguồn	2024-2026	3.879	3.879	1.293	
X	Trường Chính trị Tô Hiệu		11.525	0	107	0
19	Triển khai các hệ thống phục vụ quản trị, điều hành, giảng dạy và	Thuê dịch vụ 05 năm	11.525		107	

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự toán được duyệt	Nhu cầu kinh phí năm 2025	Kinh phí năm 2025 đã phân bổ
	học tập tại Trường Chính trị Tô Hiệu	(2025-2030)				
	TỔNG		700.840	223.361	207.312	37.193

Phụ lục 2
DANH MỤC NHIỆM VỤ HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số 215 /KH-UBND ngày 25/ 8 /2025
của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự toán được duyệt	Nhu cầu kinh phí năm 2025	Kinh phí năm 2025 đã phân bổ
A	Nguồn CNTT		66.087	32.435	47.728	12.245
I	Ban Tổ chức Thành uỷ		3.000		39	
1	Triển khai phần mềm “Chuyên ngành tổ chức xây dựng Đảng”	2025-2029	3.000		39	
II	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố		3.000		3.000	
2	Xây dựng phần mềm Theo dõi tiến độ giải ngân đầu tư công và theo dõi kịch bản phát triển kinh tế xã hội.	2025	3.000		3.000	
III	Sở Khoa học và Công nghệ		14.000		14.000	
3	Xây dựng chiến lược dữ liệu thành phố Hải Phòng	2025	500		500	
4	Kiểm toán các nhiệm vụ chuyển đổi số	2025	1.000		1.000	
5	Hệ thống quản lý và tra cứu tiêu chuẩn, đo lường chất lượng thành phố Hải Phòng	2024-2025	3.500		3.500	
6	Hệ thống giao dịch công nghệ, thiết bị thành phố Hải Phòng	2024-2025	9.000		9.000	
IV	Sở Nông nghiệp và Môi trường		10.026	8.526	6.600	3.821
7	Số hóa và quản lý giám sát hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản	2025	1.500		1.500	
8	Hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường; hệ thống thông tin báo cáo về môi trường của thành phố Hải Phòng	2023-2025	8.526	8.526	5.100	3.821
V	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		1.836		1.836	
9	Ứng dụng giải pháp công nghệ để thanh toán giá dịch vụ trông giữ xe không sử dụng tiền mặt, thu phí tự động	2025	1.341		1.341	

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự toán được duyệt	Nhu cầu kinh phí năm 2025	Kinh phí năm 2025 đã phân bổ
	không dừng tại bãi đỗ xe khu di tích Côn Sơn					
10	Xây dựng Đề án di sản số Quần đảo Cát Bà	2025	495		495	
VI	Sở Tư pháp		9.054	9.054	4.603	4.603
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin công chứng	2024-2025	9.054	9.054	4.603	4.603
VII	Sở Tài chính		7.717	7.717	5.913	3.821
12	Chỉnh lý, số hóa cơ sở dữ liệu lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư	2024-2025	7.717	7.717	5.913	3.821
VIII	Sở Công thương		6.192	6.192	1.232	
13	Số hóa và quản lý cơ sở dữ liệu hệ thống lưới điện hiện trạng từ cấp điện áp 110kV trở lên trên địa bàn thành phố Hải Phòng”	2023-2025	6.192	6.192	1.232	
IX	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố		2.000		2.000	
14	Xây dựng phần mềm tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ	2025	2.000		2.000	
X	Công an thành phố		2.056		2.056	
15	Mua sắm thiết bị phục vụ thực hiện Đề án 06/CP của Chính Phủ	2025	2.056		2.056	
XI	Thành đoàn Hải Phòng		946	946	189	
16	Triển khai bản đồ số "Thanh niên Hải Phòng vì một Việt Nam xanh"	2024-2025	342	342	68	
17	Triển khai bản tin số "Thanh niên Hải Phòng khởi nghiệp"	2024-2025	604	604	121	
XII	Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng		6.260		6.260	
18	Nâng cấp, mở rộng tính năng và ứng dụng triển khai trợ lý ảo (AI) phục vụ công tác điều hành của Ban Quản lý khu kinh tế trên hệ thống quản trị và điều hành E-Heza	2025	6.260		6.260	
B	Nguồn quỹ phát triển của đơn vị		22.600		22.600	22.600
XIII	Bệnh viện đa khoa Hải Dương		19.700		19.700	19.700
1	Thuê hệ thống phần mềm chuyển đổi số tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương giai	2025-2028	19.700		19.700	19.700

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự toán được duyệt	Nhu cầu kinh phí năm 2025	Kinh phí năm 2025 đã phân bổ
	đoạn 2025-2028.					
XIV	Đại học Hải Dương		2.900		2.900	2.900
2	Xây dựng phần mềm phục vụ công tác quản trị, quản lý và tổ chức đào tạo của Trường đại học Hải Dương.	2025	2.900		2.900	2.900
	TỔNG		82.927	32.435	70.328	34.845

Phụ lục 3
DANH MỤC NHIỆM VỤ NGUỒN SỰ NGHIỆP CNTT
*(Kèm theo Kế hoạch số **215** /KH-UBND ngày **25/8** /2025
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự toán được duyệt	Nhu cầu kinh phí năm 2025	Kinh phí năm 2025 đã phân bổ
1.	Thuê đường truyền Leased Line Internet phục vụ vận hành Hệ thống Hội nghị truyền hình thành phố; Thuê đường truyền Leasedline internet phục vụ vận hành Trung tâm dữ liệu thành phố	2025	480		480	480
2.	Tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, tổ công nghệ số cộng đồng về chuyển đổi số; Tập huấn vận hành Hệ thống chính quyền số thành phố; Tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa trong cơ quan nhà nước.	2025	2.000		2.000	2.000
3.	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Ứng dụng AI nâng cao hiệu quả công tác giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp	Thuê dịch vụ 5 năm (2025-2030)	101		101	101
4.	Chi phí duy trì bản quyền Window Server 2019, Office 2016 phục vụ Kho dữ liệu cho công dân, tổ chức thuộc dự án Chính quyền số; Chi phí duy trì tài khoản Apple Dev	2025	103		103	103
5.	Quản trị, vận hành các Hệ thống: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố; Chuyên trang Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng; Cổng Thông tin điện tử về Hiệp định thương mại tự do thành phố Hải Phòng; Hệ thống quản lý mã độc tập trung; Hệ thống Thông tin nguồn	2025	800		800	800
6.	Quản trị, vận hành Dự án chính quyền số thành phố	2025	2.000		2.000	2.000

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự toán được duyệt	Nhu cầu kinh phí năm 2025	Kinh phí năm 2025 đã phân bổ
7.	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính” và tập huấn khai thác, quản trị vận hành, cài đặt cấu hình	Thuê dịch vụ 5 năm (2024-2029)	11.757	11.757	1.584	1.584
8.	Triển khai hệ thống quản lý, khai thác dữ liệu không gian địa lý phục vụ mục tiêu xây dựng hệ thống (GIS) dùng chung toàn thành phố Hải Phòng	2024-2025	6.868	6.868	2.640	2.640
9.	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 đối với Trung tâm dữ liệu thành phố Hải Phòng”	Thuê dịch vụ 3 năm (2024-2027)	11.601	11.601	3.715	3.715
10.	Tổ chức diễn đàn ngày chuyển đổi số thành phố Hải Phòng	2025	1.500		1.500	1.500
11.	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin bổ sung tính năng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố	Thuê dịch vụ 4 năm (2025-2028)			229	229
12.	Thuê Hệ thống báo cáo hiệu năng hoạt động Hạ tầng CNTT.	Thuê dịch vụ 3 năm	6.000		1.000	1.000
13.	Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cấp thành phố, cấp phường, cấp xã, đặc khu	Thuê dịch vụ 3 năm	7.500		2.000	2.000
14.	Thuê hệ thống Hội nghị truyền hình cho UBND cấp xã, phường và đặc khu	Thuê dịch vụ 3 năm			2.000	2.000
15.	Thuê hệ thống điều hành thông minh IOC TP Hải Phòng	Thuê dịch vụ 3 năm	7.500		2.000	2.000
16.	Thuê hệ thống Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Hải Dương (<i>Dùng hợp đồng, thanh toán khối lượng hoàn thành</i>)	Thanh toán khối lượng			2.500	2.500
17.	Thuê dịch vụ giám sát an toàn, an ninh thông tin cho Trung tâm dữ liệu của thành phố tại Trung tâm Văn hóa Xứ Đông	Thuê dịch vụ 3 năm			3.200	3.200
18.	Thuê dịch vụ đánh giá an toàn thông tin độc lập cho Trung tâm dữ liệu của thành phố tại Trung tâm Văn hóa Xứ Đông	Thuê dịch vụ 3 năm	6.000		2.500	2.500

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự toán được duyệt	Nhu cầu kinh phí năm 2025	Kinh phí năm 2025 đã phân bổ
19.	Duy trì, vận hành Trung tâm dữ liệu của tỉnh tại Trung tâm Văn hóa Xứ Đông	Thuê dịch vụ 3 năm			1.500	1.500
20.	Tổ chức ngày Chuyển đổi số của thành phố (26/3) và hưởng ứng ngày chuyển đổi số Quốc gia (10/10)				500	500
21.	Thuê phần mềm Quản lý công việc và theo dõi triển khai thực hiện Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị	Thuê dịch vụ 3 năm	3.500		500	500
22.	Thuê hạ tầng và gia hạn bản quyền phần mềm Trung tâm dữ liệu thành phố.	Thuê dịch vụ 3 năm	20.000		5.000	5.000
23.	Thuê dịch vụ Bảo trì thiết bị tại Trung tâm dữ liệu tại Xứ Đông	Thuê dịch vụ 3 năm	9000		1.500	1.500
24.	Di chuyển, cài đặt lại Trung tâm dữ liệu, hệ thống giao ban (tây Hải Phòng)	500			500	500
	TỔNG		95.210	30.226	39.852	39.852



Phụ lục 4
DANH MỤC NHIỆM VỤ NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG
*(Kèm theo Kế hoạch số **215** /KH-UBND ngày **25/ 8** /2025*
của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự toán được duyệt	Nhu cầu kinh phí năm 2025	Kinh phí năm 2025 đã phân bổ
1	Triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2025	Sở Khoa học và Công nghệ	2022-2025	31.236		31.056	31.056
	TỔNG			31.236		31.056	31.056